

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2021/DS-PT

Ngày 20 tháng 12 năm 2021

*“Tranh chấp đòi lại tài sản và  
thực hiện công việc không có ủy quyền”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Thanh Hùng

*Các Thẩm phán:* Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Bùi Anh Tuấn

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Ông Trịnh  
Út Mười - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 77/2021/TLPT-DS, ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “Tranh chấp đòi lại tài sản và thực hiện công việc không ủy quyền”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2021/QĐ-PT ngày 06 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Đồng nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Liễu H, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đồng nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị H - Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1928 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ đương nhiên cho bị đơn: Bà Nguyễn Út M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1951 (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

4. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1959 (Có mặt)

5. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

6. Bà Nguyễn Út M, sinh năm 1971 (Có mặt)

7. Bà Nguyễn Thị Út N, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

8. Bà Nguyễn Thị Út E, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

9. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- Người kháng cáo:

Đồng nguyên đơn: ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị Liễu H, sinh năm 1952. Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Người giám hộ đương nhiên cho bị đơn: Bà Nguyễn Út M, sinh năm 1971. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2018 và yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2020, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H trình bày: Vợ chồng ông khởi kiện ông Nguyễn Văn C để yêu cầu ông C trả cho vợ chồng ông số tiền 103.000.000 đồng, 213 chỉ vàng 24k, yêu cầu lãi theo quy định của pháp luật là 9%/năm, tính lãi đến ngày 05/11/2018 với số tiền là 35.665.000 đồng. Đồng thời, ông T và bà H còn yêu cầu ông C và người giám hộ của ông C thanh toán các khoản thù lao do ông T và bà H thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C từ năm 1990 đến năm 2014 với số tiền là 960.000.000 đồng. Trước đây vào năm 1977, cha ông là ông Nguyễn Văn C có cho chính quyền địa phương mượn phần đất diện tích 1.680m<sup>2</sup> để tỉnh Minh Hải cất kho lương thực, sau đó thì ông C đòi lại phần đất này nhưng chính quyền không trả lại đất, nên bắt đầu từ năm 1990 thì cha ông mới ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ đi kiện chính quyền để đòi lại phần đất trên. Tuy nhiên, ông Đ không giỏi ăn nói nên không có đi, mà ông Đ kêu vợ chồng ông trực T đi lo việc liên hệ đến các cấp chính quyền địa phương đòi lại phần đất trên, vợ chồng ông đi từ năm 1990 cho đến năm 2014 thì Nhà nước mới bồi thường cho ông C phần đất trên được số

tiền là 1.136.000.000 đồng. Việc kiện thưa là diễn ra trong nhiều năm nên ông cũng không nhớ rõ là ông đến cơ quan nào trong bao nhiêu lần và chi phí cụ thể ra sao. Tuy nhiên, ông C có nói sau này được trả tiền thì ông C sẽ hoàn lại cho vợ chồng ông. Trong 24 năm trên thì vợ chồng ông đã liên hệ và mượn của những người sau: Vào năm 2002, vợ chồng ông mượn của ông Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1955, ấp 19, xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu 50 chỉ vàng 24k; khoảng năm 1990 mượn của bà Phạm Thị Điều, 81 tuổi, ở ấp thị trấn A, thị trấn Hòa Bình, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu 15 chỉ vàng 24k và số tiền 3.000.000đồng; Vào năm 2001 mượn của ông Nguyễn Văn Thiệt, sinh năm 1974, ở ấp 1B, xã Phong Thạnh Tây A, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu 50 chỉ vàng 24k; Vào năm 2004, vợ chồng ông mượn của bà Nguyễn Thị Liễu, ở ấp Phước Tân, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu 08 chỉ vàng 24k; Vào năm 2003, vợ chồng ông mượn của ông Lê Văn Năm, sinh năm 1958, ở khóm 12, phường Láng Tròn, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu 80 chỉ vàng 24k và số tiền là 50.000.000đồng; Vào khoảng năm 2000 mượn của bà Mai Thị Hạnh, sinh năm 1968, địa chỉ ấp Phước Tân, xã Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu 10 chỉ vàng 24k và số tiền 50.000.000đồng. Do sau khi nhận tiền bồi thường, ông C đã đưa cho vợ chồng ông 650.000.000 đồng để trả nợ cho những người trên. Tuy nhiên, sau đó thì anh em trong gia đình đã kiện vợ chồng ông đòi lại số tiền trên, cho rằng vợ chồng ông tự ý chiếm số tiền trên của ông C, Tòa án đã buộc vợ chồng ông trả lại số tiền này cho ông C. Nay vợ chồng ông khởi kiện ông C để yêu cầu ông C và người giám hộ của ông C trả lại số tiền và vàng mà vợ chồng ông đã mượn để đi kiện đòi đất cho ông C cũng như các khoản thù lao do ông bà thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C từ năm 1990 đến năm 2014.

*Theo người giám hộ của bị đơn bà Nguyễn Út M trình bày:* Bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H. Vì cha của bà là ông Nguyễn Văn C không có thiếu tiền của ông T và bà H. Trước đây ông Nguyễn Văn C có yêu cầu Nhà nước trả lại phần đất do Nhà nước mượn cất kho lương thực, sau này Nhà nước không trả lại đất nên ông C có đi kiện để đòi lại, khoảng 17 năm trước thì ông C bị bệnh tai biến, sức khỏe yếu nên không có đi lại được, ông C có ủy quyền cho ông Đ để đi lại, liên hệ với cơ quan chức năng để đòi phần đất trên. Ông C không có ủy quyền cho ông T, bà H đi kiện. Đến năm 2014, thì Nhà nước mới bồi thường tiền cho ông C. Trong quá trình đi kiện tụng thì các chi phí đi lại, ăn uống là do ông C ra. Nay ông C đã già yếu nên không còn biết gì, và ông C đã được Tòa án tuyên bố bị mất năng lực hành vi dân sự. Hiện nay bà Út Em là người đang ở chung nhà và là người quản lý tài sản của ông C. Nay bà không đồng ý theo yêu cầu đòi tiền, vàng cũng như các khoản thù lao do ông T, bà H thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C từ năm 1990 đến năm 2014 của ông T, bà H.

Do trước đây bà chưa am hiểu pháp luật nên khi ông C đã được Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự thì anh chị em của bà thống nhất trực T tham gia với tư cách là người giám hộ cho ông C, chứ không đồng ý cử cá nhân ai để giám hộ cho ông C. Nay bà đã biết theo quy định của pháp luật thì chỉ cử một cá nhân trong những người con của ông

C làm người giám hộ của ông C thì anh chị em của bà thống nhất cử ông Nguyễn Văn Đ là người anh hai trong gia đình làm người giám hộ của ông C. Tuy nhiên, hiện nay ông Đ đã lớn tuổi nên sức khỏe không còn được minh mẫn như trước đây nên đã có văn bản từ chối làm người giám hộ cho ông C, còn các anh chị em khác còn lại trong gia đình thì có nhiều lý do, hoàn cảnh khác nhau cũng đã có văn bản từ chối không làm người giám hộ cho ông C nên bà đồng ý sẽ là người giám hộ đương nhiên cho ông C trong vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Đ, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn B, ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Út E và bà Nguyễn Thị Út N trình bày:* Các ông bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H. Vì cha của ông bà là ông Nguyễn Văn C không có thiếu tiền của ông T và bà H cũng như từ trước đến nay ông C không có ủy quyền cho ông T và bà H thực hiện công việc nào của gia đình. Nay ông T và bà H khởi kiện yêu cầu đòi tiền, vàng cũng như các khoản thù lao do ông T bà H thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C từ năm 1990 đến năm 2014 của ông bà không đồng ý.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị S trình bày:* Bà thống nhất và đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với ông C và người giám hộ của ông C. Vì bà cho rằng trước đây bà thấy vợ chồng ông T và bà H có tham gia đi đứng kiện tụng ở các cơ quan Nhà nước để được Nhà nước bồi thường số tiền trên cho ông C. Tuy nhiên, ông T và bà H có được ông C ủy quyền để thay mặt ông C đi kiện tụng hay không thì bà không nắm được.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 25/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 và Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 594, Điều 595, Điều 596 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

### **Tuyên xử:**

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H đối với ông Nguyễn Văn C đòi số tiền 103.000.000 đồng, 213 chỉ vàng 24k và số tiền lãi 35.665.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Tiếp, bà Nguyễn Thị Liễu H. Buộc ông Nguyễn Văn C và người giám hộ là bà Nguyễn Út M chi trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H số tiền 400.000.000 đồng.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H yêu cầu ông C trả tiền thù lao do công việc không có ủy quyền là 560.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 6 năm 2021, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu buộc ông Nguyễn Văn C trả 103.000.000đồng; 213 chỉ vàng 24k tương đương 852.000.000đồng và tiền thù lao cho công việc thực hiện không có ủy quyền là 960.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 08 tháng 6 năm 2021, bà Nguyễn Út M có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H, bà Nguyễn Út M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu giữ nguyên quyết định kháng nghị.

*\* Quan điểm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Từ năm 1977 đến năm 1990, ông T và bà H cùng với ông C khiếu nại đòi quyền sử dụng đất, do đất của Nhà nước nên ông T mới tìm những người làm chứng biết việc hỏi mượn đất xác nhận. Từ năm 1990, ông C ủy quyền cho ông Đ T tục khiếu nại thì ông T, bà H đều đi chung. Khi đi khiếu nại thì ông T mượn tiền, vàng những người cho mượn đều xác định có mặt ông C và ông T được đưa tiền trả nợ xong. Ông C và ông Đ nhận tiền bồi hoàn, khi nhận tiền ông C còn minh mẫn. Ngoài ra, ông T, bà H yêu cầu thực hiện công việc không có ủy quyền, có các biên bản giải quyết với ông T, bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

*Về thủ tục tố tụng:* Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Việc kháng cáo, kháng nghị là đúng quy định pháp luật. Đối với kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát: Vụ án yêu cầu bồi thường thực hiện nghĩa vụ không được ủy quyền. Do ông C có 10 người con và Tòa án cử bà M là người giám hộ. Theo quy định tại Điều 57 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì người giám hộ không có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ thay cho người được giám hộ. Quyết định cử bà M giám hộ nhưng không quy định nghĩa vụ là vi phạm nghĩa vụ tố tụng. Việc buộc bà M thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay là trái quy định pháp luật. Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H đối với ông Nguyễn Văn C đòi số tiền 103.000.000 đồng, 213 chỉ vàng 24K và số tiền lãi 35.665.000 đồng là có căn cứ. Cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn C và người giám hộ là

bà Nguyễn Út M trả cho ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H số tiền 400.000.000 đồng là không có cơ sở vì nguyên đơn yêu cầu đòi 24 năm thì căn cứ vào đầu xác định là 10 năm, xác định 40 triệu đồng/năm thì không có căn cứ xác định thu nhập là 40 triệu đồng/năm, đây nhận định chủ quan. Ngoài ra, việc Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà M chịu án phí 20 triệu đồng là không đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của bị đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm số 33/2021/DS-ST ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Thẩm quyền xét xử sơ thẩm: Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 11 năm 2018 và yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 10 tháng 9 năm 2020 ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H yêu cầu ông C trả lại số tiền 103.000.000đồng, 213 chỉ vàng 24k và thanh toán các khoản thù lao do ông T và bà H thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C với số tiền là 960.000.000 đồng. Do đó, đây là quan hệ tranh chấp dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H; bà Nguyễn Thị Út M và Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu còn trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T và bà H đối với ông C cụ thể: Buộc ông Nguyễn Văn C trả 103.000.000đồng; 213 chỉ vàng 24k tương đương 852.000.000đồng và tiền thù lao cho công việc thực hiện không có ủy quyền là 960.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Ông T, bà H trình bày trong quá trình ông C đi khiếu nại đòi đất tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ địa phương lên đến trung ương thì ông T, bà H có đi cùng ông Đ kiện đòi đất. Để có chi phí cho việc đi khiếu nại ông T, bà H đã mượn của ông Nguyễn Văn Tài 50 chỉ vàng 24k; mượn của bà Phạm Thị Điều 15 chỉ vàng 24k và số tiền 3.000.000đồng; mượn của ông Nguyễn Văn Thiệt 50 chỉ vàng 24k; mượn của bà Nguyễn Thị Liễu 08 chỉ vàng 24k; mượn của ông Lê Văn Năm 80 chỉ vàng 24k và số tiền là 50.000.000đồng; mượn của bà Mai Thị Hạnh 10 chỉ vàng 24k và số tiền 50.000.000

đồng để chi phí cho việc đi khởi kiện trong thời gian 24 năm. Ông T, bà H cho rằng số tiền và vàng trên là ông T, bà H mượn cho ông C. Ông T, bà H đã trả xong cho những người trên, từ đó yêu cầu ông C phải trả lại số tiền trên cho ông bà. Còn theo người giám hộ cho ông C trình bày việc ông C đi khiếu nại đòi lại đất diễn ra trong nhiều năm là có thật. Tuy nhiên, ông C không ủy quyền cho ông T, bà H đi kiện, mà trong những năm đầu ông C tự đi và sau này ông C ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ thay mặt ông C đi kiện. Chi phí đi lại là do ông C bỏ ra, ông C không có ủy quyền cho ông T, bà H đi mượn vàng hay tiền của ai, từ đó không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T, bà H.

[2.1] Chứng cứ ông T và bà H cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình gồm: Giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Tài vào ngày 25/10/2018, giấy xác nhận của bà Phạm Thị Điều không ghi ngày tháng, năm 2018, giấy xác nhận của ông Nguyễn Văn Thiệt ngày 30/10/2018, giấy xác nhận của ông Lâm Văn Minh ngày 25/10/2018, giấy xác nhận của ông Lê Văn Năm ngày 26/10/2018, giấy xác nhận của bà Mai Thị Hạnh ngày 25/10/2018 thì ông Tài, bà Điều, ông Thiệt, ông Minh, ông Năm, bà Hạnh đều xác định việc mượn vàng và tiền là do ông T, bà H mượn. Ngoài ra, thì tại biên bản lấy lời khai ngày 15/8/2019 ông Lê Văn Năm, ông Nguyễn Văn Tài, ông Nguyễn Văn Thiệt xác định khi ông T, bà H đến mượn tiền, vàng thì có mặt ông C chứng kiến; mặc dù sau khi nhận được tiền bồi thường 1.250.000.000đồng thì ông C có đưa tiền ông T và bà H để thanh toán cho những người cho mượn tiền vàng nêu trên. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2019 ông T, bà H thừa nhận việc mượn tiền, vàng do ông T, bà H là người trực T mượn chứ ông C không có trực T mượn tiền, vàng. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay ông T và bà H cũng không chứng minh được việc ông C ủy quyền cho ông bà đi mượn tiền vàng và cũng không chứng minh được số tiền 103.000.000 đồng và 213 chỉ vàng 24k; ông T và bà H đã dùng vào việc đi khiếu nại nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của ông T, bà H, cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông bà đối với yêu cầu này là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật.

[2.1] Đối với yêu cầu trả chi phí thù lao cho công việc không có ủy quyền của ông T và bà H đối với ông C từ năm 1990 đến năm 2014 với số tiền là 960.000.000 đồng: Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, khi giải quyết tranh chấp đất đai, Cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản đều liên quan trực T đến ông C và ông Đ, thể hiện ông Đ là người được ông C ủy quyền và là người trực T nhận khoản tiền bồi thường, còn ông T và bà H chỉ tham gia cùng đi khiếu nại; có bị xử phạt vi phạm hành chính; có bị tạm giữ nhiều ngày... Nhưng, ông T và bà H không đưa ra được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh ông, bà thực hiện công việc không có ủy quyền cho ông C là những việc cụ thể gì để mất thu nhập 1 năm là 40 triệu đồng trong khi số tiền ông C được bồi thường 1.250.000.000đồng. Ngoài ra, ông T và bà H cũng không chứng minh được trong khoảng thời gian từ năm 1990 cho đến năm 2014 ông bà đã bỏ những chi phí nào, số tiền cụ thể là bao nhiêu nên việc cấp sơ thẩm nhận định chấp nhận một phần yêu cầu của ông T và bà H về việc yêu cầu ông C có nghĩa vụ chi trả cho ông T

và bà H số tiền 400.000.000 đồng tương đương 30% là phù hợp.

[3] Về kháng cáo của bà Nguyễn Út M: Bà M là người giám hộ cho ông C không đồng ý trả khoản thù lao cho ông T và bà H thì thấy rằng như đã nhận định nêu trên, mặc dù trong quá trình khiếu nại thì ông C ủy quyền cho ông Đ đi khiếu nại, nhưng lời khai của bà Nguyễn Thị S (là con ruột ông C) xác định do ông Đ hay quên nên mỗi lần đi khiếu nại thì đều có vợ chồng ông T bà H đi cùng; ông T và bà H là người quyết liệt và có hành vi cản trở cơ quan có thẩm quyền khi xem xét cũng như sử dụng đất tại thực địa dẫn đến bị xử phạt hành chính và bị tạm giữ. Trong quá trình đi khiếu nại thì ông C và ông Đ cũng không chứng minh chi phí cho vợ chồng ông T, bà H là do ông C trang trải nên ông T, bà H xác định tự bỏ ra chi phí là có căn cứ. Cấp sơ thẩm buộc ông C trả thù lao cho ông T, bà H là phù hợp.

[4] Đối với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, nhận thấy:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện P chỉ định bà Nguyễn Út M là người giám hộ do các con của ông C không thống nhất thỏa thuận được người giám hộ nên Tòa án chỉ định một trong các người con của ông C là bà M làm người giám hộ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Dân sự năm 2015. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu cho rằng quyết định chỉ định của Tòa án nhưng không quy định rõ quyền và nghĩa vụ của người giám hộ đối với bên thứ ba; bà M không phải là người quản lý tài sản của ông C mà do người khác đang quản lý. Đối với nội dung kháng nghị này Hội đồng xét xử thấy rằng việc quy định quyền và nghĩa vụ cụ thể của người được giám hộ thì theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 54 là trong trường hợp cử người giám hộ chứ không quy định trong trường hợp chỉ định nên theo quy định tại khoản 1 Điều 54 thì trong trường hợp có tranh chấp giữa những người giám hộ hoặc tranh chấp cử người giám hộ thì Tòa chỉ định và Tòa án đã thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Dân sự nên không vi phạm nghiêm trọng như kháng nghị của Viện kiểm sát đề cập.

Về nội dung: Trong vụ án này, nguyên đơn cho rằng thực hiện công việc không có ủy quyền (chứ không phải có ủy quyền) thì chính ông Đ cũng thừa nhận vợ chồng ông T bà H có nhiều lần tham gia cùng ông đi khiếu nại, lời khai của bà S cũng xác định do ông Đ hay quên nên mỗi lần đi khiếu nại đều có vợ chồng ông T đi chung, việc này vì lợi ích cho ông C và thực tế ông C được bồi thường 1.250.000.000 đồng nên theo quy định tại Điều 576 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì ông T, bà H yêu cầu ông C trả thù lao là có căn cứ. Đối với mức thù lao thì mặc dù ông T, bà H không chứng minh được dùng toàn bộ số tiền mượn 103.000.000 đồng và 213 chỉ vàng 24K làm chi phí nhưng việc ông bà có chi phí đi khiếu nại là có, có bị xử phạt và bị tạm giữ nên yêu cầu thù lao là có căn cứ. Mức thù lao đã được Hội đồng xét xử nhận xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

[5] Như đã phân tích trên, bà M là người giám hộ chỉ định của ông C thì không có nghĩa vụ trả tiền cho ông T và bà H nên việc cấp sơ thẩm tuyên buộc bà M cùng ông C trả



ông T bà H 400.000.000 đồng và chịu án phí 20.000.000đồng là không phù hợp quy định pháp luật và ảnh hưởng đến quyền lợi của bà M. Do bà M kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và Viện kiểm sát có kháng nghị về việc này nên cấp phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên án trong quyết định cũng đảm bảo quyền lợi của bà M; không cần thiết hủy án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng nghị và một phần kháng cáo về nội dung này, sửa án sơ thẩm về cách tuyên án.

[6] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi quy định “người cao tuổi là công dân Việt nam từ đủ 60 tuổi trở lên”. Do đó, căn cứ điểm đ Điều 12 và Điều 14 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông T, bà H. Bà M không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ nêu trên:

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 148, 227, 228, 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 594, 595, 596 Bộ luật dân sự 2005; Điều 46, 47, 54 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H; chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Út M, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sửa một phần Bản án sơ thẩm số: 33/2021/DS-ST, ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H đối với ông Nguyễn Văn C đòi số tiền 103.000.000đồng (một trăm lẻ ba triệu đồng), 213 (hai trăm M ba) chỉ vàng 24k và số tiền lãi 35.665.000 đồng (ba mươi lăm triệu, S trăm S mươi lăm nghìn đồng). Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H yêu cầu ông C trả tiền thù lao do công việc không có ủy quyền là 560.000.000 đồng (năm trăm S mươi triệu đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H về thực hiện công việc không có ủy quyền. Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Út M là người giám hộ chi trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Liễu H số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng).

3. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Liễu H được miễn nộp án phí dân sự sơ

thảm và phúc thảm. Ông T, bà H đã nộp tạm ứng án phí số tiền 17.553.000đồng(M bảy triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013803 ngày 18/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

Ông Nguyễn Văn C (do bà Nguyễn Út M giám hộ) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 20.000.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Ông Nguyễn Văn C (do bà Nguyễn Út M giám hộ) không phải chịu án phí phúc thẩm. Bà Nguyễn Út M đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004790 ngày 08/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu, ông Nguyễn Văn C (do bà Nguyễn Út M giám hộ) còn phải nộp T số tiền 19.700.000 đồng (M chín triệu, bảy trăm nghìn đồng), tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Án xử phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- TAND huyện P;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- CC.THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu Tòa.

**Lê Thanh Hùng**